

TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI Tháng 5 và 5 tháng năm 2018

Thành phố tiếp tục thực hiện cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; triển khai đồng bộ nhiều giải pháp để xây dựng đô thị thông minh và cụ thể hoá việc thực hiện Nghị quyết 54/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội.

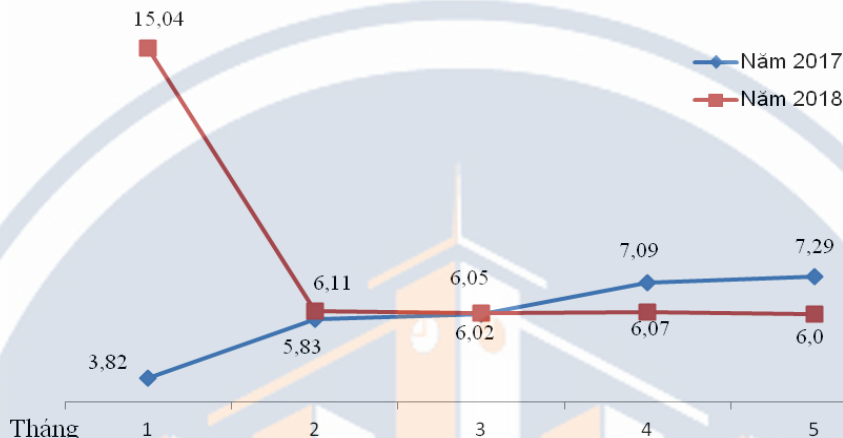
Tính chung 5 tháng, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 6% (cùng kỳ của 2017 tăng 7,29%); tổng mức hàng hoá bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 421.938,6 tỷ đồng, tăng 11,9% so cùng kỳ; tổng vốn đầu tư xây dựng cơ bản đạt 124.300,9 tỷ đồng, tăng 11,2% so cùng kỳ; tổng thu cân đối ngân Nhà nước đạt 154.317 tỷ đồng, đạt 40,96% dự toán, tăng 4,83% so cùng kỳ; tổng chi ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) ước thực hiện 19.582 tỷ đồng, đạt 22,54% dự toán, tăng 25,36% so cùng kỳ; tổng dư nợ tín dụng đến 1/5/2018 đạt 1.855,79 ngàn tỷ, tăng 16,82% so với tháng cùng kỳ và tăng 5,37% so với tháng 12/2017 và duy trì tốc độ tăng trưởng cao so với các năm trước giúp cho doanh nghiệp có cơ hội tiếp cận nguồn vốn vay góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế; chỉ số chứng khoán VN-Index sau nhiều phiên tăng điểm liên tục, đang có xu hướng giảm. Hiện tượng tăng giá đất tiếp tục diễn ra ở nhiều nơi.

I. CÔNG NGHIỆP

Tình hình hoạt động sản xuất công nghiệp trên địa bàn thành phố ước tháng 5 tiếp tục duy trì ổn định và tăng trưởng. Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) ước tính tháng 5 tăng 3,85% so với tháng trước. Trong đó, ngành khai khoáng tăng 52,58%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 4,01%; ngành sản xuất và phân phối điện giảm 4,42%; ngành cung cấp và xử lý rác thải giảm 4,23%.

So với tháng 5/2017, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 7,51%. Tính chung 5 tháng đầu năm, **chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp ước tính tăng 6,0% so với cùng kỳ năm trước**, thấp hơn mức tăng của năm 2017 (mức tăng của năm 2017: 7,29%) do có một số ngành giảm sâu: sản xuất kim loại (-10,75%); sản xuất xe có động cơ (-18,71%); sửa chữa bảo dưỡng máy móc thiết bị (-18,47%). Trong đó, ngành khai khoáng tăng 11,8%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 5,94%; sản xuất và phân phối điện tăng 9,19%; ngành cung cấp nước và xử lý rác thải tăng 5,24%.

Đồ thị chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) - %
(Cộng dồn đến tháng báo cáo)



Trong các ngành công nghiệp cấp 2, hầu hết các ngành đều có chỉ số sản xuất công nghiệp tăng so với cùng kỳ, cụ thể có 27/30 ngành tăng so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành khai khoáng khác (+15,87%); sản xuất giấy (+12,69%); sản xuất sản phẩm điện tử (+11,83%); sản xuất cao su và plastic (+11,19%); sản xuất trang phục (+8,64%); dệt (+7,01%); đồ uống (+6,09%); da (+5,76%); thiết bị điện (+2,61%); hóa chất (+2,1%)...

Chỉ số sản xuất công nghiệp một số ngành chủ yếu

Đơn vị tính: %

	Tháng 5/2018 so với tháng 4/2018	5 tháng so với cùng kỳ
Tổng số	103,85	106,00
<i>Chia theo ngành cấp 1</i>		
1. Công nghiệp khai khoáng	152,58	111,80
2. Công nghiệp chế biến, chế tạo	104,01	105,94
3. SX và phân phối điện	95,58	109,19
4. SX và phân phối nước, xử lý chất thải	95,77	105,24
<i>Một số ngành chủ yếu</i>		
1. Sản xuất chế biến thực phẩm	100,38	111,14
2. Sản xuất đồ uống	103,59	106,09
3. Sản xuất trang phục	97,65	108,64
4. Sản xuất da và SP liên quan	101,13	105,76
5. SX hóa chất và SP hóa chất	108,30	102,10
6. Sản phẩm từ cao su và plastic	104,99	111,19
7. SP. từ khoáng phi kim loại	117,53	102,75
8. Sản xuất SP điện tử	108,35	111,83
9. Sản xuất thiết bị điện	107,25	102,61
10. Sản xuất xe có động cơ	111,16	81,29

Nhìn chung, chỉ số sản xuất công nghiệp của thành phố vẫn duy trì mức độ tăng trưởng khá và ổn định, đặc biệt là chỉ số sản xuất của 4 ngành công nghiệp trọng yếu luôn tăng cao hơn mức tăng chung của toàn ngành.

Các ngành thuộc 4 ngành công nghiệp trọng yếu tiếp tục tăng trưởng nhờ tiếp tục mở rộng thị trường, đầu tư đổi mới thiết bị, nâng cao chất lượng, năng lực cạnh tranh của sản phẩm để bắt kịp cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Chỉ số sản xuất công nghiệp 4 ngành trọng yếu ước tính cộng dồn 5 tháng đầu năm so với cùng kỳ tăng 6,73%. Cụ thể như sau:

- Ngành chế biến lương thực thực phẩm, đồ uống tăng 7,15%;
- Ngành hóa dược tăng 5,17%;
- Ngành cơ khí tăng 2,78%;
- Ngành sản xuất hàng điện tử tăng mạnh 11,83%, do ngành được quan tâm đầu tư phát triển thông qua việc tiếp thu trình độ khoa học kỹ thuật cao về sử dụng công nghệ bán dẫn, công nghệ vi mạch, bo mạch điện tử... và có thị trường tiêu thụ ổn định.

Chỉ số sản xuất của 4 ngành công nghiệp trọng yếu

	Đơn vị tính: %	
	Tháng 5 so so tháng 4	5 tháng so với cùng kỳ
Tổng số	104,17	106,73
A-Ngành chế biến lương thực, thực phẩm, đồ uống	101,99	107,15
10-Sản xuất chế biến thực phẩm	100,38	108,21
11-Sản xuất đồ uống	103,59	106,09
B-Ngành hóa dược	105,91	105,17
20-Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	108,30	102,10
21-Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	104,43	102,23
22-Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	104,99	111,19
C-Ngành sản xuất hàng điện tử	108,35	111,83
26-Sản xuất SP. điện tử, máy vi tính và SP quang học	108,35	111,83
D-Nhóm ngành cơ khí	100,45	102,78
25-Sản xuất SP từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	98,65	115,65
27-Sản xuất thiết bị điện	107,25	102,60
28-Sản xuất máy móc, thiết bị chưa phân vào đâu	92,72	114,63
29-Sản xuất xe có động cơ	111,16	81,29
30-Sản xuất phương tiện vận tải khác	83,92	111,09

2 ngành truyền thống¹: Ngành dệt may thành phố đã phục hồi và tăng trưởng trở lại. Dự báo trong năm 2018 ngành dệt may sẽ có nhiều bứt phá do các doanh nghiệp dệt may tự tái cơ cấu, nâng cao chất lượng và tính chuyên nghiệp,

¹ Gồm: sản xuất trang phục (ngành may); ngành sản xuất da và sản phẩm liên quan (thuộc da, vali, túi xách, giày dép da)

giảm dần việc nhập nguyên liệu và đã xuất được nguyên vật liệu vào một số nước. Ngoài ra, trong thời gian gần đây doanh nghiệp cũng đã quan tâm nhiều đến khâu thiết kế, may mẫu và chào hàng, xây dựng chuỗi kết nối dệt – nhuộm – may để cung ứng cho nhau, giảm nhập khẩu nguyên liệu.

Chỉ số sản xuất cộng dồn 5 tháng của nhóm ngành truyền thống tăng 6,43% so cùng kỳ năm trước; trong đó, ngành dệt tăng 7,01%, ngành da giày tăng 5,76%, ngành may trang phục tăng 8,64%.

Về sản phẩm công nghiệp, hầu hết các sản phẩm sản xuất trong 5 tháng đầu năm đều tăng so với cùng kỳ. Những sản phẩm tăng cao: Tivi đạt 4.084,03 nghìn cái, tăng 22,78%; bao bì đạt 190,27 nghìn tấn, tăng 16,24%; đá xây dựng đạt 81,18 nghìn m³ tăng 15,87%...

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ước tháng 5 giảm 0,3% so tháng trước và tăng 3,74% so với tháng cùng kỳ. Tính chung 5 tháng, chỉ số tiêu thụ tăng 5,73% so với cùng kỳ, những ngành có chỉ số tiêu thụ tăng cao như: sản xuất phương tiện vận tải; sản xuất giấy; sản phẩm điện tử; sản xuất kim loại; thuốc; dệt; trang phục; chế biến thực phẩm...

Chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tại thời điểm 1/5 tăng 6,58% so với tháng trước và tăng 25,94% so với cùng kỳ. Ngành có chỉ số tồn kho tăng như sản xuất kim loại; sản xuất sản phẩm điện tử; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế; sản xuất sản phẩm điện tử; chế biến gỗ và sản phẩm từ gỗ; thiết bị điện... Bên cạnh đó có một ngành giảm như in; sản xuất xe có động cơ; hóa chất; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn...

II. NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

1. Nông nghiệp

1.1. Trồng trọt: Hoạt động sản xuất nông nghiệp trong tháng chủ yếu là chăm sóc, thu hoạch lúa vụ đông xuân, gieo cấy lúa vụ hè thu và gieo trồng các loại cây khác.

Tính đến 15/5, diện tích gieo trồng lúa vụ Đông xuân ước đạt 4.857 ha, giảm 10,1% so cùng kỳ năm trước (tương đương giảm 545,2 ha); diện tích lúa đã thu hoạch là 4.578 ha giảm 2,3% so với cùng kỳ, năng suất thu hoạch ước đạt 49,3 tạ/ha, tương đương cùng kỳ. Dự ước sản lượng lúa vụ Đông xuân là 23.953,6 tấn

Diện tích lúa Hè thu đã xuống giống 2.770 ha, tăng 19,9% so cùng kỳ.

Diện tích gieo trồng các loại cây khác nhìn chung đều tăng so với cùng kỳ; trong đó, rau 5.129,7 ha, tăng 9,6%. Hoa cây cảnh 1.232,7 ha, tăng 5,7% so với cùng kỳ

Dịch bệnh trên cây trồng: Trong tháng, diện tích rau nhiễm bệnh 592,9 lượt ha thấp hơn cùng kỳ 169,1 lượt ha, diện tích lúa vụ hè thu nhiễm bệnh là 122 ha, cao hơn 31 ha so cùng kỳ. Các sinh vật hại đều có mật số và tỉ lệ bệnh ở mức nhẹ.

1.2. Chăn nuôi:

Tổng đàn trâu, bò ước tính có 131.375 con tăng 4,1% so cùng kỳ năm trước, trong đó đàn bò 126.325 con, tăng 4,1% so cùng kỳ, riêng bò sữa 83.120 con, giảm 14,5% so cùng kỳ do tình hình tiêu thụ sữa gặp khó khăn và tiếp tục loại bỏ đàn bò sữa có năng suất thấp.

Đàn heo ước đạt 270.456 con, giảm 12,5% so cùng kỳ năm trước do giá thịt heo hơi trên thị trường hồi phục nhưng người nuôi vẫn chưa phục hồi tổng đàn.

Đàn gia cầm ước đạt 406,3 nghìn con, giảm 13,5% so cùng kỳ năm trước, trong đó đàn gà ước đạt 378,4 nghìn con, giảm 13,7%.

Trong tháng, không phát hiện dịch bệnh cúm gia cầm, lở mồm long móng, PRRS tại các hộ chăn nuôi.

2. Lâm nghiệp

Tổng diện tích rừng, đất lâm nghiệp trên địa bàn thành phố hiện nay là 38.864 ha, trong đó diện tích đất có rừng là 36.592 ha. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 17,46%, tỷ lệ che phủ rừng và cây xanh là 40,13%.

Để ngăn ngừa bảo vệ rừng và phòng cháy trong mùa khô, Chi cục Kiểm lâm tổ chức 87 lượt kiểm tra phòng cháy chữa cháy rừng (lũy kế 5 tháng là 405 lượt).

3. Thủy sản

Các hộ nuôi trồng thủy sản tiếp tục đầu tư thức ăn và nuôi thả bổ sung, thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh.

Lũy kế 5 tháng đầu năm, sản lượng thủy sản ước thực hiện 22.554,6 tấn, tăng 4,8% so cùng kỳ năm trước. Trong đó, sản lượng cá ước đạt 7.407,5 tấn, giảm 5,9%; sản lượng tôm ước đạt 5.205,4 tấn, giảm 0,9%; sản lượng thủy sản khác ước đạt 9.941,7 tấn, tăng 11,8% so cùng kỳ năm trước. Chia ra:

– Sản lượng thủy sản khai thác 5 tháng ước thực hiện 7.832 tấn, giảm 5,7% so cùng kỳ;

– Sản lượng thủy sản nuôi trồng 5 tháng ước đạt 14.722,6 tấn, tăng 7,3% so cùng kỳ. Trong đó, sản lượng cá ước đạt 2.820,8 tấn, giảm 3,7%; sản lượng tôm ước đạt 4.043,5 tấn, tăng 0,8%; sản lượng thủy sản khác ước đạt 7.858,3 tấn, tăng 15,6% so cùng kỳ.

- Tình hình thả nuôi tôm tại huyện Cần Giờ (tính đến ngày 10/5/2018)

– Tôm sú có 331 lượt hộ thả nuôi với 70,27 triệu con giống trên diện tích 3.299,5 ha. So với cùng kỳ diện tích tăng 9,49%, con giống giảm 3,73%.

– Tôm thẻ chân trắng có 889 lượt hộ thả nuôi với 242,24 triệu con giống trên diện tích 638,91 ha.

Hiện nay tình hình dịch bệnh trên tôm (chủ yếu bệnh đốm trắng) tại huyện Cần Giờ đang gây thiệt hại cho hộ nuôi tôm do nhiệt độ nóng cao. Tính từ đầu năm đến nay, có 48 lượt hộ nuôi có tôm bị bệnh trên tổng diện tích 32,56 ha làm thiệt hại

11,69 triệu con giống; có 17 hộ với diện tích 7,10 ha được xử lý dập bệnh bằng thuốc của quỹ phòng ngừa dịch bệnh.

III. VỐN ĐẦU TƯ

1. Đầu tư xây dựng

Tổng vốn đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn 5 tháng ước thực hiện 124.300,9 tỷ đồng, tăng 11,2% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ tăng 9,2%), đạt 28,4% so kế hoạch năm.

Trong đó: Vốn từ ngân sách thành phố 6.242,9 tỷ đồng, chiếm 5,0% vốn xây dựng cơ bản trên địa bàn, tăng 6,8% so với cùng kỳ. Cấp thành phố ước thực hiện 3.946,9 tỷ đồng, chiếm 63,2%, tăng 2,3% so với cùng kỳ; cấp quận huyện ước thực hiện 2.296 tỷ đồng, chiếm 36,8%, tăng 15,2%.

Vốn đầu tư từ ngân sách địa phương

	Thực hiện 5 tháng/2018 (tỷ đồng)	So với cùng kỳ 2017 (%)
Tổng vốn đầu tư	6.242,9	106,8
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	225,4	96,1
Cấp thành phố	3.946,9	102,3
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	219,6	165,8
Cấp quận huyện	2.296,0	115,2
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	5,8	5,9

Vốn đầu tư xây dựng ước thực hiện tháng 5 tăng 24,5% so với tháng 4/2018, so với tháng 5/2017 tăng 8,4%. Nguyên nhân do các dự án đã chủ động về vốn, nhân lực và máy móc thiết bị; tập trung ưu tiên thực hiện các dự án lớn, cấp bách để thoát nước chống ngập như:

+ Cải tạo hệ thống thoát nước khu vực Quốc lộ 13 - Đinh Bộ Lĩnh - Nguyễn Xí - Ung Văn Khiêm, phường 25, 26, với tổng vốn đầu tư 219 tỷ đồng, kế hoạch vốn năm 90 tỷ đồng, thực hiện 5 tháng ước đạt 51,2 tỷ đồng;

+ Cải tạo Hệ thống thoát nước đường Kinh Dương Vương (đoạn từ mũi tàu Phú Lâm đến vòng xoay An Lạc), với tổng vốn đầu tư 730,6 tỷ đồng, kế hoạch vốn năm 80 tỷ đồng, thực hiện 5 tháng ước đạt 45,6 tỷ đồng;

+ Bờ tả sông Sài Gòn (đoạn còn lại) từ rạch Cầu Ngang đến Khu đô thị Thủ Thiêm, với tổng vốn đầu tư 992,7 tỷ đồng, kế hoạch vốn năm 150 tỷ đồng, thực hiện 5 tháng ước đạt 55,6 tỷ đồng;

+ Giải phóng mặt bằng Kênh Hàng Bàng, Quận 6, với tổng vốn đầu tư 1.500 tỷ đồng, kế hoạch vốn năm 500 tỷ đồng, thực hiện 5 tháng ước đạt 485,5 tỷ đồng;

+ Dự án Cải thiện môi trường nước thành phố lưu vực kênh Tàu Hũ - Bến Nghé - Đồi - Tẻ (giai đoạn 2), tổng vốn đầu tư 11.281,3 tỷ đồng, kế hoạch vốn năm 200 tỷ đồng, thực hiện 5 tháng ước đạt 162 tỷ đồng;

Tình hình thực hiện một số công trình giao thông trọng điểm:

a. Xây dựng cầu vượt thép tại nút giao thông Nguyễn Thái Sơn – Nguyễn Kiệm:

- Gói thầu xây dựng phần đường song hành trên mặt bằng nút giao: Tạm ngưng do vướng mặt bằng;

- Gói thầu xây dựng nhánh cầu đường Nguyễn Kiệm phía công viên Gia Định – đường Nguyễn Thái Sơn và toàn bộ phần đường song hành trên đường Nguyễn Kiệm phía công viên Gia Định, phần đường mở rộng tạm ngưng thi công do vướng mặt bằng (đất quốc phòng).

b. Xây dựng hầm chui tại nút giao thông An Swong:

- Nhánh N1 đã hoàn thành 14/3/2018;

- Nhánh N2, hiện đã khởi công phía đường Trường Chinh, còn phía huyện Hóc Môn đang giải tỏa;

- Phần giải phóng mặt bằng tại huyện Hóc Môn còn chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ thi công.

c. Xây dựng nút giao thông Cát lái, Quận 2:

- Gói thầu hầm chui đã hoàn thành;

- Gói thầu cầu vượt trên cao theo dự kiến hoàn thành trong tháng 5/2018.

d. Dự án tuyến đường sắt Bến Thành – Suối Tiên:

- Tiếp tục hoàn thiện 11 nhà ga trên toàn tuyến và lắp ráp đường ray đoạn từ cầu Sài Gòn đến Ngã tư Thủ Đức;

- Gói thầu thi công đường hầm từ nhà ga Nhà hát Thành phố đến nhà ga hăng Ba Sơn đang thực hiện 24/24 giờ. Theo dự kiến sẽ hoàn thành trong tháng 6/2018;

- Hiện thành phố đang tạm ứng vốn để thi công, khối lượng thực hiện toàn tuyến đạt trên 52%.

2. Tình hình cấp phép xây dựng nhà ở hộ dân cư

Tính đến cuối tháng 4, toàn thành phố đã cấp 18.797 giấy phép xây dựng và sửa chữa lớn, với diện tích sàn 3.786,6 ngàn m². Trong đó cấp cho xây dựng mới 18.121 giấy phép, với diện tích 3.716,5 ngàn m² và 676 giấy phép sửa chữa lớn, với diện tích 70,1 ngàn m².

So với cùng kỳ tăng 6,6% về giấy phép (+1.117) và tăng 6,2% về diện tích (+216,1 ngàn m²).

3. Tình hình cấp giấy phép đầu tư nước ngoài

Từ đầu năm đến ngày 15/5/2018, thành phố đã có 315 dự án có vốn nước ngoài được cấp giấy chứng nhận đầu tư trên địa bàn với tổng vốn đăng ký đạt 389,8 triệu USD, tăng 16,3% về vốn so với cùng kỳ năm trước. Điều chỉnh tăng vốn đầu tư có 83

dự án, vốn đạt 243,7 triệu USD. **Tổng vốn đăng ký cấp phép mới và tăng vốn đến ngày 15/5 đạt 633,5 triệu USD, tăng 7,1% so với cùng kỳ năm trước.**

Góp vốn, mua cổ phần có 835 trường hợp, tổng vốn đạt 1.182,1 triệu USD, tăng 62,3% so với cùng kỳ.

Phân loại các dự án được cấp phép mới:

Theo loại hình đầu tư: trong tổng số có 100% vốn nước ngoài có 285 dự án, vốn đầu tư đạt 366,4 triệu USD; liên doanh 29 dự án, vốn đầu tư đạt 23,5 triệu USD

Theo ngành hoạt động: ngành công nghiệp chế biến, chế tạo 15 dự án, vốn đầu tư đạt 127,4 triệu USD, chiếm 32,7% trong tổng vốn được cấp phép mới; hoạt động kinh doanh bất động sản 13 dự án, vốn đầu tư đạt 121,7 triệu USD (chiếm 31,2%); thương nghiệp 118 dự án, vốn đầu tư 76,6 triệu USD (chiếm 19,7%); hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ 88 dự án, vốn đầu tư 32,8 triệu USD (chiếm 8,4%); thông tin truyền thông 33 dự án, vốn đầu tư đạt 14,3 triệu USD (chiếm 3,7%).

Theo đối tác đầu tư: đã có 37 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư; trong đó, Hàn Quốc 65 dự án, vốn đầu tư 110,2 triệu USD, chiếm 28,3% tổng vốn; kế đến là Singapore 46 dự án, vốn đầu tư 99,4 triệu USD (chiếm 25,5%); Na Uy 3 dự án, vốn đầu tư 70,1 triệu USD (chiếm 18%); Nhật Bản 52 dự án, vốn đầu tư 38,7 triệu USD (chiếm 9,9%); Hồng Kông 19 dự án, vốn đầu tư 30,5 triệu USD (chiếm 7,8%); Hoa Kỳ 17 dự án, vốn đầu tư 10,9 triệu USD; Đài Loan 15 dự án, vốn đầu tư 6,5 triệu USD; British Virgin Islands 4 dự án, vốn đầu tư 4,8 triệu USD...

4. Doanh nghiệp thành lập mới và ngừng hoạt động

a. Đăng ký thành lập doanh nghiệp

Từ đầu năm đến ngày 15/5/2018, Thành phố đã cấp phép cho 16.014 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký đạt 181.608 tỷ đồng. So với cùng kỳ năm trước, số giấy phép tăng 8,2% và vốn tăng 11,4%. Trong đó, 9 ngành dịch vụ chủ yếu có số lượng giấy phép là 11.330, chiếm hơn 2/3 trong tổng số, tăng 9,9% so với cùng kỳ; vốn đăng ký 142.846 tỷ đồng, chiếm 78,8%, tăng 21,8%.

Phân theo loại hình: Công ty TNHH 13.940 đơn vị, chiếm 87,1% trong tổng số, tăng 7,9% so với cùng kỳ; tổng vốn đăng ký đạt 86.390 tỷ đồng, giảm 4,9%; vốn đăng ký bình quân của 1 doanh nghiệp là 6,2 tỷ đồng. Công ty cổ phần có 1.904 đơn vị, tăng 15,1%; vốn đăng ký 95.125 tỷ đồng, tăng 32% so với cùng kỳ. Doanh nghiệp tư nhân có 167 đơn vị, vốn đăng ký đạt 92 tỷ đồng; so với cùng kỳ năm trước, số giấy phép giảm 23%, vốn giảm 34,7%.

Phân theo khu vực:

– **Khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản:** số lượng doanh nghiệp cấp phép là 70 đơn vị, giảm 19,5%; mặc dù vậy, vốn đăng ký đạt 1.917 tỷ đồng, gấp 2,7 lần so với cùng kỳ năm trước.

– **Khu vực công nghiệp, xây dựng:** cấp phép 3.340 doanh nghiệp, tăng nhẹ với mức tăng 0,4% so với cùng kỳ; vốn đăng ký đạt 32.005 tỷ đồng, giảm 19,8%. Trong đó, ngành xây dựng có vốn chiếm 63,5% tổng khu vực, đạt 20.314 tỷ đồng, giảm 27,8% so với cùng kỳ; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo với vốn chiếm 26,5%, đạt 8.469 tỷ đồng, tăng 2,1% so với cùng kỳ năm trước

– **Khu vực thương mại, dịch vụ:** cấp phép 12.604 doanh nghiệp, tăng 10,7% so với cùng kỳ năm trước; vốn đăng ký đạt 147.686 tỷ đồng, tăng 20,7%. Trong đó, **hoạt động kinh doanh bất động sản** 1.086 đơn vị, tăng 26,1%; vốn đăng ký 84.398 tỷ đồng, chiếm 57,1% tổng vốn khu vực này, tăng 30,7%. **Thương nghiệp** có 5.965 doanh nghiệp, tăng 7,4%; vốn đăng ký đạt 31.119 tỷ đồng (chiếm 21,1%), tăng 5,2%. **Hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ** 1.588 doanh nghiệp, vốn đăng ký 9.329 tỷ đồng (chiếm 6,3%); so với cùng kỳ năm trước, số giấy phép tăng 10%, vốn đăng ký tăng 25,5%.

b. Doanh nghiệp ngừng hoạt động:

Trong 4 tháng đầu năm, Thành phố có 1.098 doanh nghiệp giải thể, tăng 29,6% so với cùng kỳ. Trong đó, loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn chiếm 79,1% với 869 doanh nghiệp, công ty cổ phần 126 doanh nghiệp (chiếm 11,5%), 63 doanh nghiệp tư nhân (chiếm 5,7%). Số lượng doanh nghiệp ngừng hoạt động 3.233 đơn vị (công ty trách nhiệm hữu hạn 80,9%).

IV. NỘI THUỜNG

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 5 dự ước đạt 84.491,3 tỷ đồng, tăng nhẹ 0,9% so với tháng trước và tăng 13% so với tháng cùng kỳ năm trước. Trong đó, doanh thu bán lẻ trong tháng 5 ước đạt 54.729,9 tỷ đồng, tăng 13,4% so với cùng kỳ; dịch vụ lưu trú và ăn uống 9.290,8 tỷ đồng, tăng 16,9%; du lịch, lễ hành 1.549,8 tỷ đồng, tăng 16,1%; dịch vụ khác ước đạt 18.920,8 tỷ đồng, tăng 9,8%.

Lũy kế 5 tháng năm 2018, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 421.938,6 tỷ đồng, tăng 11,9% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó:

* **Chia theo thành phần kinh tế:** kinh tế nhà nước ước chiếm 6,2% trong tổng số, đạt 26.126 tỷ đồng, tăng 2,6% so với cùng kỳ năm trước; kinh tế ngoài nhà nước với 331.649,2 tỷ đồng, chiếm 78,6%, tăng 11,9%; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 64.163,4 tỷ đồng, chiếm 15,2%, tăng 16,4%.

* **Chia theo ngành kinh tế:**

– **Thương nghiệp:** doanh thu 5 tháng ước đạt 274.986,5 tỷ đồng, chiếm 65,2% trong tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng, tăng 13,5% so với cùng kỳ. Trong đó, nhóm hàng lương thực, thực phẩm chiếm 17,5% trong tổng số doanh thu bán lẻ, ước đạt 48.011,8 tỷ đồng, tăng 13%; nhóm đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình chiếm

19,6%, đạt 53.927,7 tỷ đồng, tăng 13,6%; xăng dầu các loại và nhiên liệu khác chiếm 10,3%, đạt 28.265,9 tỷ đồng, tăng 14,7%; hàng may mặc chiếm 6,7%, đạt 18.483,8 tỷ đồng, tăng 12,9%.

– **Dịch vụ lưu trú và ăn uống:** doanh thu ước đạt 45.291,5 tỷ đồng, tăng 10,6% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, dịch vụ ăn uống 40.033,6 tỷ đồng, tăng 9,9%; dịch vụ lưu trú 5.257,9 tỷ đồng, tăng 16%.

– **Du lịch:** ước đạt 7.763,6 tỷ đồng, tăng 19,5% so với cùng kỳ năm trước.

– **Dịch vụ khác:** doanh thu ước đạt 93.897 tỷ đồng, tăng 7,5% so với cùng kỳ. Trong đó, hoạt động kinh doanh bất động sản chiếm 60%, đạt 56.351 tỷ đồng, tăng 6,2% so với cùng kỳ.

V. XUẤT - NHẬP KHẨU

1. Xuất khẩu

Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá của các doanh nghiệp Thành phố ước thực hiện tháng 5 năm 2018 đạt 3.126,4 triệu USD, tăng 8,5% so tháng trước. **Ước tính 5 tháng đạt 14.471,4 triệu USD, tăng 5,5% so cùng kỳ.**

Loại trừ dầu thô, trị giá xuất khẩu 5 tháng ước đạt 13.480,8 triệu USD.

Tình hình cụ thể của các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố xuất qua cửa khẩu Thành phố như sau:

Tổng kim ngạch xuất khẩu bao gồm dầu thô ước thực hiện tháng 5 đạt 2.819,5 triệu USD, tăng 8,3% so tháng trước. Ước tính 5 tháng đạt 13.043,0 triệu USD, tăng 0,7% so cùng kỳ. Loại trừ dầu thô ước 5 tháng đạt 12.052,4 triệu USD, tăng 2,8% so cùng kỳ. Chia ra:

+ Thành phần kinh tế nhà nước đạt 1.406,4 triệu USD, chiếm tỷ trọng 10,8%, giảm 5,4%.

+ Thành phần kinh tế ngoài nhà nước đạt 4.468,5 triệu USD, chiếm tỷ trọng 34,3%, tăng 5,3%.

+ Thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 7.168,1 triệu USD, chiếm tỷ trọng 55,0%, giảm 0,7%.

Cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu (không kể dầu thô):

– **Nhóm hàng nông lâm thủy hải sản** đạt 2.231,4 triệu USD, tăng 5,8% so cùng kỳ và chiếm tỷ trọng 18,5%. Trong đó:

+ Gạo đạt 470,6 triệu USD, tăng 40,3%. Lượng gạo xuất khẩu đạt 412,2 ngàn tấn, tăng 7,7%.

+ Cà phê đạt 358,4 triệu USD, giảm 8,6% so cùng kỳ. Lượng cà phê xuất khẩu đạt 208,4 ngàn tấn, giảm 1,8%.

+ Cao su đạt 207,5 triệu USD, giảm 16,6% so cùng kỳ. Lượng cao su xuất khẩu đạt 98,6 ngàn tấn, tăng 11,5%.

+ Hàng thủy hải sản đạt 352,2 triệu USD, tăng 22,9%.

+ Hàng lâm sản đạt 214,6 triệu USD, tăng 0,9%.

– **Nhóm hàng công nghiệp** đạt 8.830,4 triệu USD, tăng 1,8% và chiếm tỷ trọng 73,3%. Trong đó:

+ Máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện đạt 3.220,2 triệu USD, giảm 2,2% so cùng kỳ, chiếm tỷ trọng 26,7% trong kim ngạch xuất khẩu không kể giá trị dầu thô.

+ Hàng dệt, may ước đạt 2.074,5 triệu USD, chiếm tỷ trọng 17,2%, tăng 3,1% so cùng kỳ.

+ Hàng giày dép ước đạt 952,8 triệu USD, chiếm tỷ trọng 7,9%, giảm 9,6% so cùng kỳ.

+ Máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng ước đạt 951,8 triệu USD, chiếm tỷ trọng 7,9%, tăng 15,1% so cùng kỳ.

– **Nhóm hàng hóa khác** đạt 990,5 triệu USD, tăng 4,2%.

* Riêng dầu thô: ước đạt 1.851,6 ngàn tấn, giảm 36,4%; về trị giá đạt 990,6 triệu USD, giảm 18,6% so cùng kỳ.

2. Nhập khẩu

Tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của các doanh nghiệp Thành phố ước thực hiện tháng 5 đạt 3.823,8 triệu USD, tăng 8,0% so tháng trước. **Ước tính 5 tháng đạt 18.063,3 triệu USD, tăng 7,2% so cùng kỳ.**

Tình hình cụ thể của các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố nhập qua cửa khẩu Thành phố như sau:

Tổng kim ngạch nhập khẩu tháng 5 ước đạt 3.365,9 triệu USD, tăng 13,7% so tháng trước. Ước tính 5 tháng đạt 15.549,4 triệu USD, tăng 6,6% so cùng kỳ. Chia ra:

+ Thành phần kinh tế nhà nước đạt 707,9 triệu USD, chiếm tỷ trọng 4,6%, giảm 4,6%.

+ Thành phần kinh tế ngoài nhà nước đạt 8.311,3 triệu USD, chiếm tỷ trọng 53,5%, tăng 10,1%.

+ Thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 6.530,2 triệu USD, chiếm tỷ trọng 42,0%, tăng 3,8%;

Một số mặt hàng nhập khẩu chủ yếu trong 5 tháng năm 2018:

(Chỉ tính kim ngạch của doanh nghiệp Thành phố nhập qua cảng Thành phố)

+ Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện: nhập 3.337,9 triệu USD, chiếm tỷ trọng 21,5%, giảm 2,1% so cùng kỳ.

+ Máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng: nhập 2.149,9 triệu USD, chiếm tỷ trọng 13,8%, tăng 17,7%.

+ Vải các loại: nhập 1.010,4 triệu USD, tăng 6,0%.

+ Chất dẻo nguyên liệu: nhập 808,1 triệu USD, tăng 9,8%.

+ Nguyên phụ liệu dệt, may, da giày: nhập 296,0 triệu USD, giảm 4,4%.

+ Sắt thép các loại: nhập 1.106,2 ngàn tấn, giảm 27,8%; kim ngạch đạt 623,2 triệu USD, giảm 5,4%.

+ Dược phẩm đạt 496,2 triệu USD, giảm 7,7%.

VI. VẬN TẢI

Tổng doanh thu vận chuyển hàng hóa, hành khách và dịch vụ bốc xếp tháng 5 ước đạt 8.758,8 tỷ đồng, tăng 0,6% so với tháng trước, tăng 14,5% so với tháng cùng kỳ. Lũy kế 5 tháng ước đạt 43.873,1 tỷ đồng, tăng 12,8% so cùng kỳ 2017.

– **Vận tải hàng hóa:** Doanh thu tháng 5 ước đạt 5.230,0 tỷ đồng, tăng 1,8% so tháng trước. Lũy kế 5 tháng ước đạt 26.786,8 tỷ đồng, tăng 9,8% so cùng kỳ. Khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm 92,9%, tăng 11,2% so cùng kỳ; kinh tế nhà nước chiếm 6,4%, bằng 90,6% so cùng kỳ.

Doanh thu vận tải hàng hóa đường bộ 5 tháng chiếm tỷ trọng 60,9%, tăng 11,3% so cùng kỳ; đường biển chiếm tỷ trọng 29,2%, tăng 7,0% so cùng kỳ; đường sông chiếm tỷ trọng 9,6%, tăng 8,4%.

Doanh thu vận tải hàng hóa và hành khách

	Doanh thu (tỷ đồng)		% so sánh với cùng kỳ năm 2017	
	Hàng hóa	Hành khách	Hàng hóa	Hành khách
Tổng số	26.786,8	11.504,8	109,8	123,1
<i>*Phân theo khu vực kinh tế</i>				
Kinh tế nhà nước	1.718,9	133,8	90,6	93,4
Kinh tế ngoài nhà nước	24.887,2	8.469,8	111,2	121,3
Kinh tế có vốn nước ngoài	180,7	2.901,2	140,1	130,9
<i>*Phân theo phương tiện vận tải</i>				
Trong đó : Đường bộ	16.322,2	8.610,2	111,3	120,7
Đường sông	2.568,1	144,5	108,4	99,5
Đường biển	7.832,2	-	107,0	-
Đường hàng không	64,3	2.750,1	117,5	133,2

– **Vận tải hành khách:** Doanh thu tháng 5 ước 2.375,1 tỷ đồng, bằng 98,1% so tháng trước. Lũy kế 5 tháng ước đạt 11.504,8 tỷ đồng, tăng 23,1% so cùng kỳ. Khu vực

kinh tế ngoài nhà nước chiếm 73,6%, tăng 21,3%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 25,2%, tăng 30,9%.

Doanh thu vận tải hành khách đường bộ 5 tháng chiếm tỷ trọng 74,8%, tăng 20,7% so cùng kỳ; đường hàng không chiếm tỷ trọng 23,9%, tăng 33,2% so cùng kỳ; đường sông chiếm tỷ trọng 1,3%, bằng 99,5%.

– **Dịch vụ bốc xếp:** Doanh thu tháng 5 ước đạt 1.153,7 tỷ đồng, tăng 0,4% so tháng trước. Lũy kế 5 tháng ước đạt 5.581,5 tỷ đồng, tăng 8,5% so cùng kỳ. Khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm 57,3%, tăng 30,6% so cùng kỳ; kinh tế nhà nước chiếm 36,9%, bằng 82,8% so cùng kỳ.

VII. TÀI CHÍNH

1. Ngân sách

Tổng thu cân đối ngân sách Nhà nước 5 tháng năm 2018 ước thực hiện 154.317 tỷ đồng, đạt 40,96% dự toán, tăng 4,83% so cùng kỳ. Trong đó thu nội địa 105.111 tỷ đồng, đạt 41,03% dự toán, tăng 8,59% so cùng kỳ; thu từ dầu thô 9.677 tỷ đồng, đạt 76,99% dự toán, tăng 34,22% so cùng kỳ; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 39.500 tỷ đồng, đạt 36,57% dự toán, giảm 8,57% so cùng kỳ.

Thu ngân sách trên địa bàn

	Năm 2018 (Tỷ đồng)		% thực hiện 5 tháng so với	
	Dự toán	Ước TH 5 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2017
Tổng thu cân đối ngân sách Nhà nước	376.780	154.317	40,96	104,83
I- Thu nội địa	256.210	105.111	41,03	108,59
Trong đó:				
1. Doanh nghiệp nhà nước	26.000	10.127	38,95	112,42
2. Khu vực ngoài nhà nước	64.000	27.929	43,64	126,32
3. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	75.110	25.642	34,14	100,99
II- Thu hoạt động xuất nhập khẩu	108.000	39.500	36,57	91,43
III- Thu từ dầu thô	12.570	9.677	76,99	134,22

Thu từ doanh nghiệp nhà nước chiếm 9,63% tổng thu nội địa, tăng 12,42% so cùng kỳ. Trong đó: Nhà nước trung ương ước thực hiện 7.154 tỷ đồng, đạt 38,88% dự toán, tăng 15,95% so cùng kỳ; Nhà nước địa phương ước thực hiện 2.973 tỷ đồng, đạt 39,12% dự toán, tăng 4,74% so cùng kỳ. Thu từ khu vực ngoài nhà nước 27.929 tỷ đồng, đạt 43,64% dự toán, tăng 26,32% so cùng kỳ. Thu từ khu vực đầu tư nước ngoài 25.642 tỷ đồng, đạt 34,14% dự toán, tăng 0,99% so cùng kỳ.

Thu cân đối ngân sách địa phương 5 tháng năm 2018 ước thực hiện 34.027 tỷ đồng, đạt 43,80% dự toán, giảm 0,95% so cùng kỳ năm 2017.

Tổng chi ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) 5 tháng năm 2018 ước thực hiện 19.582 tỷ đồng, đạt 22,54% dự toán, tăng 25,36% so cùng kỳ.

Chi ngân sách địa phương

	Năm 2018 (Tỷ đồng)		% thực hiện 5 tháng so với	
	Dự toán	Ước TH 5 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2017
Tổng chi (trừ tạm ứng)	86.866	19.582	22,54	125,36
Trong đó:				
I- Chi đầu tư phát triển	36.165	6.686	18,49	131,46
II- Chi thường xuyên	36.500	11.610	31,81	111,80
Trong đó:				
Sự nghiệp kinh tế	6.278	1.331	21,20	110,58
Sự nghiệp giáo dục đào tạo	11.264	3.433	30,47	107,14
Sự nghiệp y tế	2.176	443	20,38	77,65
Quản lý hành chính	6.362	2.226	34,99	117,34

Chi đầu tư phát triển 6.686 tỷ đồng, đạt 18,49% dự toán, tăng 31,46% so cùng kỳ. Chi thường xuyên 11.610 tỷ đồng, đạt 31,81% dự toán, tăng 11,80% so cùng kỳ; trong đó, chi sự nghiệp kinh tế 1.331 tỷ đồng, đạt 21,20% dự toán, tăng 10,58%; chi sự nghiệp giáo dục đào tạo 3.433 tỷ đồng, đạt 30,47% dự toán, tăng 7,14%; chi sự nghiệp y tế 443 tỷ đồng, đạt 20,38% dự toán, giảm 22,35%; chi quản lý hành chính 2.226 tỷ đồng, đạt 34,99% dự toán, tăng 17,34% so cùng kỳ 2017.

2. Ngân hàng

Tổng vốn huy động trên địa bàn thành phố đến đầu tháng 5 đạt 2.082,86 ngàn tỷ đồng, tăng 0,83% so với tháng trước (chỉ số này của tháng trước: +1,64%); tăng 14,47% so với tháng cùng kỳ. Trong đó, vốn huy động của các Ngân hàng Thương mại cổ phần chiếm 50,85% tổng vốn huy động, tăng 9,08% so tháng cùng kỳ. Tiền gửi tiết kiệm chiếm tỷ trọng 49,81% tổng vốn huy động, tăng 7,54% so với tháng cùng kỳ. Nguồn vốn huy động dự ước tiếp tục duy trì tăng trưởng tích cực, đảm bảo khả năng thanh khoản và điều kiện để tăng trưởng tín dụng đạt kết quả tích cực trong năm 2018.

Theo loại tiền gửi, vốn huy động bằng ngoại tệ chiếm 10,76%, giảm 1,15% so tháng cùng kỳ. Vốn huy động VNĐ tiếp tục tăng trưởng nhanh và chiếm tỷ trọng chủ yếu trong tổng nguồn vốn, chiếm 89,24%; tăng 16,69% so tháng cùng kỳ.

Tổng dư nợ tín dụng trên địa bàn thành phố đến đầu tháng 5 đạt 1.855,79 ngàn tỷ đồng, tăng 16,82% so với tháng cùng kỳ và tăng 5,37% so với tháng 12/2017. Trong đó, dư nợ tín dụng của các Ngân hàng Thương mại cổ phần đạt 972,26 ngàn tỷ đồng, chiếm 52,39% tổng dư nợ, tăng 12,76% so tháng cùng kỳ. Dự ước dư nợ tín dụng tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao so với các năm trước giúp cho doanh nghiệp có cơ hội tiếp cận nguồn vốn vay góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế.

Theo loại tiền, dư nợ bằng ngoại tệ đạt 170,29 ngàn tỷ đồng, chiếm 9,18% tổng dư nợ, tăng 14,12% so với cùng kỳ. Dư nợ tín dụng bằng VNĐ đạt 1.685,5 ngàn tỷ đồng, chiếm 90,82% tổng dư nợ, tăng 17,1% so với tháng cùng kỳ.

3. Thị trường chứng khoán

Đến cuối tháng 04 năm 2018, tổng số mã chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 357 gồm 353 mã cổ phiếu, 2 mã chứng chỉ quỹ và 2 mã quỹ ETF; tăng 2 mã cổ phiếu so với cuối tháng trước (ngày 19/04/2018 mã cổ phiếu TPB của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong giao dịch phiên đầu tiên; ngày 26/04/2018 mã cổ phiếu FRT của Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT giao dịch phiên đầu tiên; không có mã trái phiếu mới nào phát sinh giao dịch trong tháng này).

Giá trị vốn hóa thị trường là 2.876.908 tỷ đồng, tăng 10,05% so với cuối năm 2017. Trong tháng 04/2018 có 19 phiên giao dịch, 11 phiên tăng điểm và 8 phiên giảm điểm. VN-Index có xu hướng giảm mạnh về cuối tháng. Trong tháng 4, VN-Index thiết lập đỉnh mới kể từ đầu năm vào các ngày giao dịch: 6 và 9. Đến cuối tháng 04/2018, VN-Index đạt 1.050,26 điểm, tăng 6,71% (tương ứng tăng 66,02 điểm) so với cuối năm 2017.

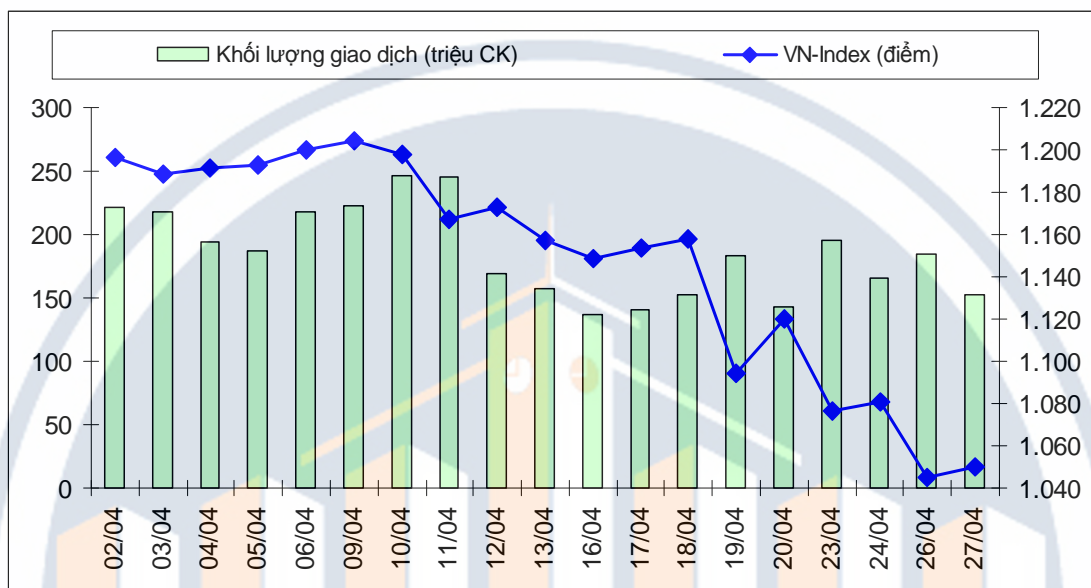
Khối lượng giao dịch trong tháng 04/2018 đạt 4.201,47 triệu chứng khoán, giảm 18,98% so với tháng trước. Giá trị giao dịch trong tháng đạt 141.143,37 tỷ đồng, giảm 11,22% so tháng trước. Trung bình mỗi phiên có 221,13 triệu chứng khoán được chuyển nhượng với giá trị 7.428,60 tỷ đồng. Khối lượng giao dịch trung bình mỗi phiên giảm 6,19% và giá trị giao dịch tăng 2,79% so với tháng trước.

Đến cuối tháng 04/2018, VN-Index đạt giá trị thấp nhất vào ngày 02/01 với 995,77 điểm và đạt giá trị cao nhất vào ngày 09/04 với 1.204,33 điểm.

Giao dịch chứng khoán trên thị trường niêm yết

	Kết quả giao dịch		% so sánh	
	Tháng 04/2018	4 tháng năm 2018	Tháng 04 so tháng 03	4 tháng so cùng kỳ
Tổng khối lượng giao dịch (triệu CK)	4.201,47	19.075,39	81,02	147,00
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	4.140,70	18.704,40	81,14	144,82
Trái phiếu	16,66	62,69	94,84	125,85
Chứng chỉ quỹ & ETF	44,11	308,30	67,86	2.967,28
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	3.534,09	16.650,17	78,45	141,30
Giao dịch thỏa thuận	667,38	2.425,22	98,01	203,28
Tổng giá trị giao dịch (tỷ đồng)	141.143,37	572.942,30	88,78	216,74
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	138.624,81	561.025,07	88,87	216,61
Trái phiếu	1.722,09	6.488,39	94,80	123,89
Chứng chỉ quỹ & ETF	796,47	5.428,84	66,82	4.740,10
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	109.631,94	471.345,51	83,23	208,98
Giao dịch thỏa thuận	31.511,43	101.596,79	115,58	261,85

Đồ thị VN-Index tháng 04/2018 trên SGDCK TP.HCM



Cập nhật đến ngày 15/05/2018, tổng số mã chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 357. Giá trị vốn hóa thị trường là 2.939.751 tỷ đồng, tăng 12,46% so với cuối năm trước; VN-Index đạt 1.073,50 điểm, tăng 89,26 điểm (tương ứng tăng 9,07%) so với cuối năm 2017.

VIII. HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA XÃ HỘI

1. Trật tự an toàn xã hội (từ ngày 16/03/2018 đến ngày 15/04/2018)

1.1. Vi phạm kinh tế: đã khám phá 110 vụ gồm 102 đối tượng vi phạm; điều tra khởi tố mới 39 vụ có 9 bị can; đề nghị truy tố 6 vụ và 6 bị can; thu giữ hàng hóa trị giá khoảng 4,7 tỷ đồng. Trên lĩnh vực môi trường, đã lập 18 biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh thực phẩm, thú y, thức ăn chăn nuôi; ra quyết định xử phạt 41 vụ vi phạm hành chính, thu về ngân sách khoảng 2,3 tỷ đồng.

1.2. Phạm pháp hình sự: trên địa bàn thành phố đã xảy ra 361 vụ phạm pháp hình sự, giảm 30 vụ, tương đương 7,7% so với cùng kỳ năm 2017; làm chết 4 người; bị thương 59 người; thiệt hại tài sản trị giá khoảng 9,1 tỷ đồng; Trong cơ cấu tội phạm thì các vụ án xâm phạm sở hữu vẫn chiếm tỷ lệ cao chiếm 83,7% tăng 1,1 điểm phần trăm so với tháng trước. Đã điều tra khám phá nhanh 237 vụ (đạt 65,7%), bắt 266 người vi phạm; bắt, vận động đầu thú và thanh loại 29 đối tượng có lệnh truy nã (trong đó bắt 19 tên, vận động đầu thú 7 tên và thanh loại 3 tên).

1.3. Tình hình phòng chống tệ nạn xã hội

– **Tội phạm về ma túy:** đã khám phá 132 vụ, bắt 275 đối tượng có hành vi mua bán, tàng trữ, vận chuyển trái phép và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; thu giữ khoảng 7,39 kilogram heroin; 8,87 kilogram ma túy tổng hợp; 01 khẩu súng;

70 xe gắn máy; 117 điện thoại di động; thu khoảng 168 triệu đồng và nhiều công cụ, phương tiện phục vụ cho hoạt động phạm tội. Đã khởi tố 113 vụ với 135 người vi phạm; xử lý hành chính 19 vụ với 140 người vi phạm.

– **Các loại tệ nạn xã hội khác:** đã phát hiện và xử lý 1 vụ với 04 đối tượng hoạt động mại dâm; xử lý 20 vụ với 175 đối tượng tổ chức và tham gia đánh bạc, thu trên 261 triệu đồng và nhiều công cụ, phương tiện phục vụ cho hoạt động phạm tội.

1.4. Trật tự an toàn giao thông:

– **Về giao thông đường bộ:** đã xảy ra 271 vụ tai nạn, bao gồm 207 vụ va chạm và 64 vụ từ ít nghiêm trọng trở lên, làm chết 58 người, bị thương 180 người. So với cùng kỳ năm 2017, số vụ tai nạn giảm 12,6%; trong đó số vụ va chạm giảm 18,5%, làm bị thương nhẹ 167 người, hư hỏng 278 xe các loại; số vụ tai nạn từ ít nghiêm trọng trở lên tăng 14,3%, làm chết 58 người, bị thương nặng 13 người.

Lực lượng giao thông đã lập 47.335 biên bản vi phạm hành chính trật tự an toàn giao thông, tước 6.724 giấy phép lái xe, tạm giữ 5.634 xe các loại, ra quyết định xử phạt 27.789 trường hợp, chuyển kho bạc nhà nước khoảng hơn 16 tỷ đồng.

– **Về giao thông đường thủy:** thành phố không xảy ra tai nạn trên tuyến thủy nội địa. Nhưng lực lượng chức năng đã kiểm tra 5.519 phương tiện, phát hiện 5.332 trường hợp vi phạm và ra quyết định xử phạt vi phạm, thu nộp ngân sách nhà nước khoảng 1 tỷ đồng.

– **Về giao thông đường sắt:** thành phố không xảy ra tai nạn giao thông đường sắt.

1.5. Tình hình cháy, nổ:

– **Tình hình cháy:** đã xảy ra 46 vụ cháy, tăng 7% (+3 vụ) so với cùng kỳ năm trước; trong đó, xảy ra 1 vụ cháy lớn gây thiệt hại nghiêm trọng (nguyên nhân là do xe gắn máy bị chập điện), hậu quả làm chết 14 người, bị thương 57 người, thiệt hại về tài sản khoảng 269 triệu đồng (trong đó có 16 vụ chưa ước tính được thiệt hại). Nguyên nhân gây ra cháy phổ biến nhất vẫn là do sự cố các hệ thống, thiết bị sử dụng điện (11 vụ).

– **Tình hình nổ:** thành phố không xảy ra vụ nổ nào.

2. Kết quả giải quyết việc làm:

Trong tháng, số lao động được giải quyết việc làm là 26.221 lao động, tăng, 0,49% so với tháng trước; số việc làm mới được tạo ra là 23.743 việc làm, tăng 83,13% so với tháng trước. Lũy kế 5 tháng ước tính 130.275 lượt người được giải quyết việc làm, đạt 43,43% so với kế hoạch; số chỗ việc làm mới tạo ra là 70.916 chỗ làm mới, đạt 54,55% so với kế hoạch.

Tình hình về chính sách bảo hiểm thất nghiệp: trong kỳ báo cáo tháng 5 có 12.680 lao động đến Trung tâm dịch vụ việc làm thành phố nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp; 11.968 người nhận quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp, 28.365 người được tư vấn, giới thiệu việc làm (2.728 người có việc làm); 1.252 người đang hưởng trợ cấp thất nghiệp có quyết định hỗ trợ học nghề.

Trên đây là tình hình kinh tế - xã hội của thành phố Hồ Chí Minh tháng 5 và 5 tháng năm 2018.



CỤC THỐNG KÊ TP. HỒ CHÍ MINH
PHÒNG THỐNG KÊ THƯƠNG MẠI
ĐT: 38 223 371, 38 292 719